UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ KHÔI KỲ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 83/UBND-DT V/v rà soát hiện trạng nhà ở, đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt thuộc Dự án 1, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng ĐB DTTS và MN năm 2023.	*Khôi Kỳ, ngày 24 tháng 3 năm 2023*

Kính gửi: Các Trưởng xóm trên địa bàn xã Khôi Kỳ.

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia (CTMT) phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc về việc Hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 4/3/2022 của Bộ Tài chính về Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

Căn cứ Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025.

Căn cứ Kế hoạch số 226/KH-UBND ngày 11/10/2022 về triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS và MN giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 huyện Đại Từ;

Thực hiện Công văn số 14/DT ngày 20/3/2023 của Phòng Dân tộc huyện Đại Từ về việc đề nghị rà soát hiện trạng nhà ở, đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt thuộc Dự án 1, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng ĐB DTTS và MN năm 2023;

Để xác định đối tượng thụ hưởng Dự án 1 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023. UBND xã Khôi Kỳ đề nghị các xóm rà soát đối tượng thực hiện hỗ trợ nhà ở, đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt năm 2023 theo các nội dung sau:

I. Đối tượng, nội dung hỗ trợ

1. Hỗ trợ đất ở

1.1. Đối tượng: Chi tiết cụ thể thực hiện theo Điều 4, Mục 1; Chương II của Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc.

1.2. Nội dung hỗ trợ: Chi tiết cụ thể thực hiện theo Điều 5, Mục 1; Chương II của Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc.

1.3. Nội dung vay vốn tín dụng:

- Mục đích sử dụng vốn vay: Khách hàng được vay vốn để sử dụng vào việc trang trải chi phí để có đất ở.

- Mức cho vay: Mức cho vay do Ngân hàng Chính sách xã hội và khách hàng vay vốn thỏa thuận nhưng không vượt quá 50 triệu đồng/hộ.

- Thời hạn cho vay: Do Ngân hàng Chính sách xã hội và khách hàng vay vốn thỏa thuận, nhưng tối đa là 15 năm. Trong 5 năm đầu, khách hàng chưa phải trả nợ gốc.

- Lãi suất cho vay:

+ Lãi suất cho vay bằng 3%/năm.

+ Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

2. Hỗ trợ nhà ở

2.1. Đối tượng: Chi tiết cụ thể thực hiện theo Điều 6, Mục 2; Chương II của Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc.

2.2. Nội dung hỗ trợ: Chi tiết cụ thể thực hiện theo Điều 7, Mục 2; Chương II của Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc.

2.3. Nội dung vay vốn tín dụng:

- Mục đích sử dụng vốn vay: Được vay vốn để sử dụng vào việc trang trải chi phí xây mới nhà ở.

- Mức cho vay: Do Ngân hàng Chính sách xã hội và khách hàng vay vốn thỏa thuận nhưng không vượt quá 40 triệu đồng/hộ.

- Thời hạn cho vay: Thời hạn cho vay do Ngân hàng Chính sách xã hội và khách hàng vay vốn thỏa thuận, nhưng tối đa là 15 năm. Trong 5 năm đầu, khách hàng chưa phải trả nợ gốc.

- Lãi suất cho vay:

+ Lãi suất cho vay bằng 3%/năm.

+ Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

3. Hỗ trợ đất sản xuất

3.1. Đối tượng: Chi tiết cụ thể thực hiện theo Điều 8, Mục 3; Chương II của Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc.

3.2. Nội dung hỗ trợ: Chi tiết cụ thể thực hiện theo Điều 9, Mục 3; Chương II của Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc.

3.3. Nội dung vay vốn tín dụng:

- Mục đích sử dụng vốn vay: Được vay vốn để sử dụng vào việc trang trải chi phí tạo quỹ đất sản xuất hoặc chi phí học nghề, chuyển đổi nghề.

- Mức cho vay:

+ Mức cho vay hỗ trợ đất sản xuất do Ngân hàng Chính sách xã hội và khách hàng vay vốn thỏa thuận nhưng không vượt quá 77,5 triệu đồng/hộ.

+ Mức cho vay chuyển đổi nghề do Ngân hàng Chính sách xã hội và khách hàng vay vốn thỏa thuận tối đa bằng mức cho vay phục vụ sản xuất, kinh doanh đối với hộ nghèo được quy định trong từng thời kỳ. Mức cho vay chi phí học nghề tối đa bằng mức cho vay áp dụng đối với chính sách tín dụng học sinh, sinh viên quy định trong từng thời kỳ và không vượt quá mức cho vay tối đa đối với hỗ trợ chuyển đổi nghề.

- Thời hạn cho vay: Thời hạn cho vay do Ngân hàng Chính sách xã hội và khách hàng vay vốn thỏa thuận tối đa là 10 năm.

- Lãi suất cho vay:

+ Lãi suất cho vay bằng 50% lãi suất cho vay đối với hộ nghèo quy định trong từng thời kỳ.

+ Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

4. Hỗ trợ nước sinh hoạt sinh hoạt phân tán

4.1. Đối tượng: Thực hiện theo Điều 10, Mục 4; Chương II của Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc.

4.2. Nội dung hỗ trợ: Thực hiện theo Điều 11, Mục 4; Chương II của Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc.

(Có thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc gửi kèm)

II. Quy trình rà soát xác định địa bàn, đối tượng, các nội dung thụ hưởng chính sách

1. Hỗ trợ đất ở, nhà ở, hỗ trợ đất sản xuất, hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán

1.1. Bước 1: Rà soát địa bàn và xác định đối tượng ưu tiên

- Căn cứ quy định về đối tượng thụ hưởng tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-UBDT của Ủy ban Dân tộc; căn cứ chỉ tiêu, kế hoạch được UBND tỉnh giao, UBND cấp huyện chỉ đạo: UBND cấp xã tuyên truyền, phổ biến, thông báo về nội dung chính sách đến đối tượng thụ hưởng; thực hiện rà soát, xác định đối tượng, hình thức, nội dung hỗ trợ theo thứ tự ưu tiên.

- Đối tượng ưu tiên: Thực hiện theo khoản 3. Điều 3, Chương I, của Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc.

1.2. Bước 2: Lập danh sách và đăng ký nhu cầu hỗ trợ

- Trưởng xóm tổ chức họp xóm thông báo về nội dung chính sách, đối tượng, điều kiện và văn bản của xã trong **thời gian 2 ngày làm việc** kể từ ngày nhận văn bản của xã.

- Các hộ đủ điều kiện, có nhu cầu đăng ký với trưởng xóm về chính sách hỗ trợ; Thời gian hoàn thành **trong 3 ngày làm việc** kể từ ngày xóm tổ chức họp thông báo về nội dung chính sách và chỉ đạo của xã.

- Trưởng xóm tổ chức họp xóm bình xét công khai có đại diện của Ban công tác Mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội tại xóm, đại diện hộ gia đình có trong

danh sách; Trưởng xóm lập hồ sơ (gồm biên bản họp bình xét và danh sách theo thứ tự ưu tiên) gửi Ủy ban nhân dân cấp xã. Thời gian hoàn thành **trong 2 ngày làm việc** kể từ ngày hết thời hạn đăng ký.

- UBND cấp xã rà soát, tổng hợp hồ sơ của các xóm, **tổ chức kiểm tra quy trình bình xét ở xóm**; lập danh sách thứ tự ưu tiên; **lập 02 bộ hồ sơ (gồm văn bản đề nghị kèm theo danh sách phụ biểu 01, 02)** gửi 01 bộ cho cơ quan công tác dân tộc cấp huyện và 01 bộ niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã. Thời gian hoàn thành **trong 05 ngàylàm** việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của các xóm.

(Chi tiết có các Mẫu biên bản và Mẫu biểu gửi kèm theo)

2. Công trình nước sinh hoạt tập trung: Các đối tượng được quy định tại khoản 2, Điều 10 của Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc được hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung theo quy định hiện hành đảm bảo cung cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh cho người dân.

Đầu tư xây dựng công trình cấp nước sạch tập trung cần làm rõ quy mô công trình, khả năng đảm bảo nguồn nước, quy trình quản lý, vận hành và khai thác sử dụng, duy tu bảo dưỡng sau đầu tư để đảm bảo công trình hoạt động hiệu quả, bền vững; ưu tiên sử dụng nguồn nước từ hệ thống công trình thủy lợi, hồ chứa, đập dâng cho cấp nước sinh hoạt.

Đề nghị các xóm triển khai rà soát đúng quy trình**, gửi hồ sơ đề nghị về UBND xã (trực tiếp cho Đ/c Đỗ Thị Kim Dung, Công chức VH-XH** xã **trước ngày 01/04/2023** để tổng hợp, thẩm định trình UBND huyện phê duyệt.

Nơi nhận:
- TT. Đảng uỷ - HĐND xã;
- Như trên;
- Lưu: VP.UBND.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ KHỔI KỲ H. ĐẠI TỪ T. THÁI NGUYÊN

Lê Anh Tuấn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……., ngày……tháng…..năm 2023

BIÊN BẢN HỌP XÓM

Hôm nay, vào hồi……. ngày ……. tháng …… năm 2023, tại xóm, …….., xã Khôi Kỳ, đã tổ chức họp dân để tiến hành lựa chọn các hộ thuộc diện được nhà nước hỗ trợ nhà ở, đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt phân tán theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

* Chủ trì cuộc họp: Ông (bà)……..……Chức vụ [(1)]:Trưởng xóm

* Thư ký cuộc họp: Ông (bà)……..……Chức vụ [(2)]……..

* Thành phần tham gia:

- Ông (bà)……..……Chức vụ: Bí thư chi bộ thôn, bản.

- Ông (bà)……Chức vụ: Trưởng Ban CTMT xóm.

- Ông (bà)……..……Chức vụ [(3)]…….

- Đại diện ……. hộ dân trong xóm (có danh sách kèm theo).

1. Nội dung cuộc họp:

Chủ trì cuộc họp phổ biến chính sách hỗ trợ của nhà nước về nhà ở, đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ DTTS nghèo và hộ nghèo dân tộc Kinh tại các xã, thôn, bản ĐBKK theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg; xác định đối tượng, cách thức tổ chức thực hiện, quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm của các hộ dân.

2. Kết quả cuộc họp:

Sau khi thảo luận, bàn bạc, cuộc họp đi đến thống nhất lựa chọn …….. hộ thụ hưởng chính sách và hình thức hỗ trợ năm 2023 *(có danh sách kèm theo*).

Cuộc họp kết thúc vào hồi …….. giờ cùng ngày, đọc cho mọi người cùng nghe, biên bản được lập thành 03 bản, gửi UBND cấp xã đề nghị cấp trên hỗ trợ, UBMTTQ xã để giám sát và lưu tại xóm./.

Đại diện hộ dân	**Thư ký**	**Chủ trì**

Ghi chú: Thành phần tham gia: (1)- Lãnh đạo UBND xã hoặc Lãnh đạo Đảng ủy xã, (2)- công chức xã được phân công theo dõi, (3)- Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch UBMTTQ xã hoặc đại diện tổ chức chính trị- xã hội xã được phân công.

Xóm …..... **Biểu 01**

DANH SÁCH HỘ ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ NHÀ Ở, ĐẤT Ở, ĐẤT SẢN XUẤT, NƯỚC SINH HOẠT THEO DỰ ÁN 1, QUYẾT ĐỊNH 1719/QĐ-TTG CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ NĂM 2023

STT	Họ và tên (chủ hộ)	Năm sinh	Dân tộc	Số nhân khẩu	Hiện trạng nhà ở	Hiện trạng đất ở	Nhu cầu hỗ trợ				Ghi chú
							Nhà ở	Đất ở (m2)	Nước sinh hoạt phân tán	Nhu cầu vay vốn ngân hàng CSXH	
1											
2											

THƯ KÝ **TRƯỞNG XÓM**

Xóm …..... ***Biểu 02***

DANH MỤC CÔNG TRÌNH NƯỚC SINH HOẠT TẬP TRUNG THEO DỰ ÁN 1, QUYẾT ĐỊNH 1719/QĐ-TTG CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

STT	Tên công trình	Tổng số hộ	Số hộ người DTTS	Tỷ lệ hộ DTTS/tổng số hộ (%)	Dự kiến mức đầu tư	Trong đó		Số hộ hưởng lợi
						NSTW hỗ trợ	Vốn khác	
1								
2								

THƯ KÝ **TRƯỞNG XÓM**